TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 241/2025/DS-PT
Ngày 26 tháng 5 năm 2025

V/v yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSD đất, hủy di chúc, hủy GCNQSD đất, công nhận QSD đất và chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng
Bà Nguyễn Ngọc Hoa

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Chu Thị Dịu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2025/TLPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025 về việc: "Yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; hủy Di chúc; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; công nhận đất % và chia di sản thừa kế". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4769/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Khắc T, sinh năm 1956; địa chỉ: thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Chu Đ, Luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ văn phòng: Số F, Ngõ H Chùa H, quận C, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Lê Khắc T1, sinh 1958; địa chỉ: khu tập thể Z, phường P, quận N, thành phố Hà Nội; địa chỉ tạm trú hiện nay: thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị X, sinh năm 1960; địa chỉ: thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

3.2. Bà Lê Thị L, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: ông Lê Khắc T1, sinh 1958; địa chỉ: thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

3.3. Bà Lê Thị L1, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

3.4. Bà Lê Thị S, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S: ông Lê Khắc T1, sinh 1958; địa chỉ: thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

3.5. Bà Lê Thị B, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

3.6. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1961; địa chỉ: khu Tập thể Z, phường P, quận N, thành phố Hà Nội.

3.7. Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình B1, Chủ tịch.

3.8. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Trọng C, Chủ tịch.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961;

4.2. Bà Đỗ Thị X1, sinh năm 1947

Cùng địa chỉ: Thôn A (thôn G), xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

5. Người kháng cáo: Ông Lê Khắc T (là nguyên đơn).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Lê Khắc T, ông Chu Đ, ông Lê Khắc T1, bà Lê Thị X, bà Vũ Thị H có mặt; những người tham gia tố tụng khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Lê Khắc T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Lê Khắc S1 (sinh năm 1938, chết ngày 06/10/2018) và cụ Đỗ Thị N1 (sinh năm 1932, chết ngày 06/7/2021) sinh được 07 người con gồm: ông là Lê Khắc T, sinh năm 1956; ông Lê Khắc T1, sinh năm 1958; bà Lê Thị X, sinh năm 1960; bà Lê Thị L, sinh năm 1964; bà Lê Thị L1, sinh năm 1966; bà Lê Thị S, sinh năm 1968 và bà Lê Thị B, sinh năm 1971.

Khi còn sống, bố mẹ ông là chủ sử dụng khu đất ở tại thửa số 594 (bản đồ địa chính xã T năm 1990), nay tương ứng với thửa 441, tờ bản đồ số 14, bản đồ

địa chính xã T đo vẽ năm 2011, diện tích 1.105,7m^2. Nguồn gốc đất là do ông bà ngoại cho bố mẹ ông. Trên thửa đất bố mẹ ông đã xây dựng ngôi nhà ngói cấp bốn 03 gian, nhà bếp và các công trình phụ. Thửa đất của bố mẹ ông đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất năm 1994, đứng tên bố ông là Lê Khắc S1.

Năm 2015, lợi dụng lúc bố mẹ ông già yếu, không còn minh mẫn và anh em trong gia đình không biết, ông Lê Khắc T1 và vợ là bà Vũ Thị H đã lập "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" giữa bên tặng cho là cụ Lê Khắc S1 và cụ Đỗ Thị N1 với bên nhận tặng cho là ông Lê Khắc T1 và bà Vũ Thị H, diện tích đất tặng cho là 200m^2 đất ở, được UBND xã T chứng thực hợp đồng số 09 quyển số 01/2015 CT-UBND. Sau đó, ngày 09/7/2015 UBND huyện T đã cấp GCNQSD đất số vào sổ CH00849/7977/QĐ-UBND cho ông Lê Khắc T1, bà Vũ Thị H. Trên phần đất tặng cho có nhà và tài sản trên đất nhưng hợp đồng tặng cho lại chỉ cho đất và đặc biệt trong hợp đồng tại mục A có chữ Lê Khắc S1 và Đỗ Thị N1 đều do ông Lê Khắc T1 tự ký và điểm chỉ, không phải chữ ký và điểm chỉ của bố mẹ ông. Bố mẹ ông đều là những người không biết chữ, ngoài việc viết được chữ Lê Khắc S1 và Đỗ Thị N1 thì bố mẹ ông không biết viết các chữ khác và cũng không biết đọc. Vì vậy, tất cả các loại văn bản giấy tờ khác liên quan đến tài sản ông đang yêu cầu Tòa án giải quyết có chữ ký của bố mẹ ông đều là do người khác lập ra.

Khi hòa giải ở UBND xã T, ông T1 không xuất trình "Di chúc"; khi Tòa án giải quyết vụ án, ông T1 mới xuất trình "Di chúc". Ông khẳng định bố mẹ ông khi còn sống tuổi cao sức yếu không viết "Di chúc" để lại. "Di chúc" có sau ngày hòa giải nên ông T1 đã nhờ người có chuyên môn đánh máy xong viết thông tin vào di chúc, phần người lập di chúc không có chữ ký sống mà ốp chữ họ tên của bố mẹ ông vào, không có điểm chỉ, ghi ngày tháng năm, áp đặt người làm chứng, móc nối với cán bộ công chức có chuyên môn lập hồ sơ giả để chiếm đoạt tài sản. Đối với phần hợp đồng tặng cho phần bên A bên tặng cho cũng ốp tên và ghi rõ họ tên bố mẹ ông và điểm chỉ.

Năm 2018 bố ông chết, tháng 7/2021 mẹ ông chết. Trước khi chết, bố mẹ ông không để lại "Di chúc" và cũng không định đoạt khối tài sản này cho bất kỳ ai hết, nhưng hiện nay ông Lê Khắc T1 đã tự ý ngăn cản, không cho anh em trong gia đình vào hương khói cho bố mẹ và còn nhiều lần hành hung vợ ông.

Ngày 01/11/2021, UBND xã T đã tổ chức hòa giải nhưng không thành, gia đình ông cũng không thể tự phân chia di sản thừa kế với nhau được.

Ngoài ra, trước khi chết bố ông để lại quyển sổ ghi nợ với nội dung: Thành Hạnh vay 9 chỉ vàng, trả 2 chỉ, còn nợ 7 chỉ; con gái B mua bò 32 triệu, trả 12 triệu, còn nợ 20 triệu, 01 nhẫn 02 chỉ vàng, đôi cúc 2 chỉ vàng, tiền 2.200.000đ; ngày 9/10/2018 Mười Trang trả nợ 15.000.000đ, cháu H1 con gái Lan Long trả nợ 15.000.000đ; T2 đưa tiền tuất người cao tuổi cho mẹ 5.400.000đ.

Khi bố ông mất, mẹ ông và ông lo tang lễ; mẹ ông không lấy tiền của ông do ông ốm đau nhiều lần, chỉ lấy tiền của con gái, con rể, cháu nội, cháu ngoại và đưa cho vợ chồng ông T1, bà H giữ, gồm: con gái Xuyên H2 18.000.000đ, con

gái Liên Hạnh 18.000.000đ, con gái Sáu Bảy 13.000.000đ, con gái Lan Long 3.000.000đ, con gái Bảy Mây 1.500.000đ, cháu gái nội T Tươi 3.000.000đ, mẹ ông bảo vợ chồng Thành H3 đã lấy hết.

Trong diện tích đất bố mẹ ông để lại có nguồn gốc trước đây là do ông bà ngoại ông cho ở cồn Bù Bi 905,7m^2, xung quanh cồn là đất của anh trai mẹ ông là ông Đỗ Huy D (hiện nay đã chết). Bố mẹ ông đã thống nhất đổi cho ông D 300m^2 đất nơi khác để lấy thêm đất liền kề sản xuất. Cụ thể: bà nội Nguyễn Thị M 50m^2, bố mẹ ông 100m^2, ông (Lê Khắc T) 50m^2, ông Lê Khắc T1 50m^2, bà Lê Thị X 50m^2 đất phần trăm; còn bà L, bà L1, bà S, bà B không có đất phần trăm để đổi.

Đối với đất nhà thờ tại Xóm C thôn G: Ngày 10/3/1975 ông đi bộ đội vào N rồi sang Campuchia chiến đấu, đến ngày 01/3/1984 bị nhiễm bệnh về nghỉ chế độ tại xã T và ở nhờ trên đất nhà thờ của dòng họ. Do nội bộ mất đoàn kết nên UBND xã T giải quyết cắt đất nhà thờ làm trích lục mang tên ông là Lê Khắc T sử dụng 145m^2 đất. Sau đó gia đình vẫn tiếp diễn nhiều mâu thuẫn trong dòng họ nên gia đình ông đã thống nhất trả lại 145m^2 đất nhà thờ cho dòng họ từ năm 1998 nhưng vẫn giao cho ông thờ cúng. Tháng 2/1998 ông đi khai hoang phục hóa, dồn điền đổi thửa làm trang trại và năm 2006 được cấp GCNQSD đất ở trang trại. Năm 2013, UBND xã T làm hồ sơ theo quyết định số 22/2013/QĐ-TT ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ đã có chủ trương cấp tiền làm nhà cho người có công, tháng 4/2018 ông được cấp 40.000.000 đồng làm nhà, còn diện tích 145m^2 đất trước đây bố mẹ ông giao cho ở để thờ cúng các cụ, ông đã trả lại cho dòng họ.

Vì vậy, ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" lập ngày 09/6/2015 giữa bên tặng cho là cụ Lê Khắc S1 và Đỗ Thị N1 với bên được tặng cho là ông Lê Khắc T1 và bà Vũ Thị H, được UBND xã T, huyện T chứng thực hợp đồng số 09, quyển số 01/2015.CT-UBND ngày 09/6/2015.

- Hủy "Di chúc" do cụ Lê Khắc S1 và Đỗ Thị N1 lập ngày 07/6/2015.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00849/7977/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 của UBND huyện T cấp cho ông Lê Khắc T1 và bà Vũ Thị H.

- Công nhận phần đất phần trăm mà ông Lê Khắc T, ông Lê Khắc T1, bà Lê Thị X mỗi người 50m^2 trong tổng diện tích đất tại thửa đất số 594, nay tương ứng là thửa đất số 441 mà cụ S1 và cụ N1 đã dùng đất phần trăm của ông T, ông T1, bà X được giao trước đó để đổi cho gia đình ông Đỗ Huy D. Phần diện tích còn lại sau khi đã trừ đi phần diện tích đất của ông T, ông T1, bà X, đề nghị Tòa án xem xét chia đều cho những người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Khắc S1 và Đỗ Thị N1.

- Chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 1.105,7m^2 đất ở tại nông thôn tại thửa đất số 594 bản đồ địa chính xã T năm 1990 (nay tương ứng với thửa đất số 441, tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã T đo vẽ năm 2011) và ngôi nhà

ngói cấp bốn 03 gian, nhà bếp và các công trình phụ trên đất và cây ăn quả theo quy định pháp luật.

2. Ý kiến của bị đơn ông Lê Khắc T1:

Ông là con trai thứ 2 của cụ Lê Khắc S1 và cụ Đỗ Thị N1, bố mẹ ông sinh được 07 người con như ông Lê Khắc T trình bày.

Trước đây, gia đình ông gồm bố mẹ và 07 anh em sinh sống cùng ông bà nội tại căn nhà 05 gian, 02 gian bếp cùng giếng nước và công trình phụ của ông bà để lại trên diện tích đất 145m^2 tại địa chỉ Xóm C thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1975 ông T đi bộ đội; năm 1978 ông cũng lên đường làm nhiệm vụ. Năm 1979-1980 ông T về phép, năm 1981 lấy vợ sinh sống cùng bố mẹ ông tại thôn G. Năm 1982, ông về phép và cưới vợ, rồi toàn thể gia đình vẫn sinh sống trên nhà đất tại thôn G nói trên. Sau đó thấy con cái đông, lại thêm 2 con dâu nên bố mẹ ông tính đến việc mua thêm đất và làm nhà để tách hộ cho con cháu đỡ khổ.

Năm 1983-1984, bố mẹ ông cùng bà nội (ông nội đã chết) và các anh em họp gia đình chia tách hộ. Lúc đó, bố ông có hỏi ông T và bà Lê Thị T2 (vợ ông T) ở trong Xóm C thôn G hay ra trại Bù Bi X mà bố ông làm nhà mới thì ông T nhận ở căn nhà 05 gian trong Xóm C nhưng ra điều kiện bố mẹ ông phải xây tường rào bao quanh. Bố ông đã xây tường bao quanh rồi chia cho ông T căn nhà và các công trình phụ khác, diện tích 145m^2 đất tại số thửa 100, tờ bản đồ số 05, bản đồ địa chính xã T năm 1990; năm 1994 đã được cấp GCNQSD đất đứng lên ông Lê Khắc T. Còn phần đất ở trại B (phần đất đang tranh chấp) ở Xóm A thôn G bố mẹ ông đã lập di chúc và hợp đồng tặng cho để lại toàn bộ cho vợ chồng ông. Khi bố mẹ ông làm thủ tục cho tặng cũng như lập di chúc đều thể hiện ý chí cho vợ chồng ông là Lê Khắc T1 và Vũ Thị H toàn bộ nhà, đất và các tài sản khác nằm trên đất. Tuy nhiên, do biết bố con, anh em có mâu thuẫn, sợ có tranh chấp sau này nên bố mẹ ông đã trực tiếp làm thủ tục tặng cho và sang tên sổ đỏ cho ông là Lê Khắc T1 diện tích đất ở 200m^2. Việc lập di chúc và hợp đồng tặng cho của bố mẹ ông là hoàn toàn tự nguyện, thực hiện đúng trình tự theo sự hướng dẫn của UBND xã T và đúng quy định pháp luật. Việc cấp GCNQSD đất của UBND huyện T cho vợ chồng ông là hoàn toàn đúng quy định pháp luật.

Trước năm 2015, khi bố mẹ ông còn khỏe mạnh, ông T không có ý kiến gì về việc cấp GCNQSD đất cho vợ chồng ông và việc phân chia tài sản của bố mẹ. Năm 2018 bố ông chết, năm 2021 mẹ ông chết.

Nay ông T khởi kiện là không có cơ sở, ông đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

3. Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Vũ Thị H trình bày:

Bà là vợ ông Lê Khắc T1. Phần tài sản là nhà đất tại Xóm A thôn G (tài sản đang tranh chấp) khi còn sống bố mẹ chồng bà (cụ S1, cụ N1) đã lập di chúc và hợp đồng tặng cho toàn bộ vợ chồng bà là Lê Khắc T1 và Vũ Thị H. Trước khi lập hợp đồng tặng cho, cụ S1 cụ N1 đã lập di chúc thể hiện ý chí cho vợ chồng bà

toàn bộ nhà, đất, cây lâu năm và các tài sản khác trên đất thuộc quyền sử dụng của 2 cụ.

Trước đây cụ S1, cụ N1 đã để lại phần đất tổ tiên (tại Xóm C, thôn G) và nhà ở cho ông Lê Khắc T có vợ là Lê Thị T2; hai cụ có nguyện vọng chia cho ông T là con cả vì đây là đất tổ tiên để lại để thờ cúng các cụ. Ông T đã nhận và yêu cầu cụ S1 cụ N1 phải xây tường rào bao quanh, hai cụ đã cùng các con xây tường rào bao quanh rồi giao cho ông T. Sau đó, hai cụ cùng bà nội và các con còn lại ra căn nhà ba gian ngoài trại Bù Bi X thôn G sinh sống, đến năm 2015 hai cụ lập di chúc và hợp đồng tặng cho để lại toàn bộ tài sản cho vợ chồng bà. Khi lập di chúc, hai cụ đều thể hiện ý chí cho vợ chồng bà toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất. Tuy nhiên, do biết bố con, anh em có mâu thuẫn, sợ có tranh chấp sau này nên bố mẹ ông đã trực tiếp làm thủ tục tặng cho và sang tên sổ đỏ diện tích đất ở 200m^2 trước và đã được UBND huyện T cấp GCNQSD đất cho vợ chồng bà là Lê Khắc T1 và Vũ Thị H.

Việc lập di chúc và hợp đồng tặng cho của bố mẹ chồng bà là hoàn toàn tự nguyện, thực hiện đúng trình tự theo sự hướng dẫn của UBND xã T, quy định pháp luật. Việc cấp GCNQSD đất của UBND huyện T cho vợ chồng bà là đúng quy định pháp luật. Vì vậy, ông T khởi kiện là không có cơ sở, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

3.2. Bà Lê Thị X trình bày:

Bà là con gái cụ Lê Khắc S1 và Đỗ Thị N1, bố mẹ bà sinh được 07 người con như ông T và ông T1 trình bày là đúng.

Hiện nay anh trai bà là ông Lê Khắc T đang khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại, bà có ý kiến như sau: khi còn sống bố mẹ bà có khối tài sản, tiền vàng, cụ thể đất thổ cư gồm 03 gian nhà ngói trên diện tích 1.105,7m^2, 03 gian bếp, sân gạch và các công trình phụ tại thửa số 411, tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã T năm 2011, hiện nay khối tài sản này đang do ông Lê Khắc T1, bà Vũ Thị H quản lý sử dụng.

Khi còn sống, mẹ bà nói nhà đất này là của 3 anh em đổi đất phần trăm của mẹ bà, phải trả lại cho 3 anh em gồm Lê Khắc T, Lê Khắc T1, Lê Thị X; phần còn lại của bố mẹ bà còn bao nhiêu đề nghị Tòa án phân chia cho 07 anh chị em bà theo quy định pháp luật.

Khi bố mẹ bà còn sống chưa phân chia đất đai nhà cửa, vẫn thuộc quyền sở hữu của bố mẹ bà theo GCNQSD đất do UBND huyện Đ cấp cho bố bà năm 1994 nên ông Lê Khắc T1 không thể được hưởng cả. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại là nhà đất tại Xóm A thôn G cho 07 anh em; còn các tài sản khác là tiền, vàng, lúa gạo… bố mẹ bà để lại, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các nội dung khác bà đồng ý với trình bày của ông Lê Khắc T, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

3.3. Bà Lê Thị S, bà Lê Thị L, bà Lê Thị L1, bà Lê Thị B thống nhất trình bày:

Các bà là con gái cụ Lê Khắc S1 và Đỗ Thị N1, bố mẹ bà sinh được 07 người con như ông T, ông T1, bà X trình bày là đúng.

Phần tài sản bố mẹ các bà là cụ Lê Khắc S1 và cụ Đỗ Thị N1 để lại đã tặng cho toàn bộ anh trai và chị dâu bà là Lê Khắc T1 và Vũ Thị H. Đồng thời, trước khi lập "Hợp đồng tặng cho", bố mẹ các bà đã lập "Di chúc" thể hiện ý chí cho anh trai Lê Khắc T1 toàn bộ nhà, đất. Tuy nhiên, do biết anh em có mâu thuẫn, sợ tranh chấp sau này nên bố mẹ đã trực tiếp làm thủ tục tặng cho và sang tên sổ đỏ phần đất ở 200m^2 cho ông Lê Khắc T1, bà Vũ Thị H.

Đối với ông Lê Khắc T, trước khi chết đã được bố mẹ để lại ngôi nhà trên diện tích đất 145m^2, tại thửa đất số 100, bản đồ số 5, bản đồ địa chính xã T năm 1990, địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện T và năm 1994 đã được cấp GCNQSD đất mang tên ông Lê Khắc T, nên phần đất đang tranh chấp này bố mẹ các bà có nguyện vọng để lại cho anh trai là Lê Khắc T1. Anh em bà đã được bố mẹ thông báo cho biết về nội dung này và nắm được tài sản đã được tặng cho trước khi bố mẹ mất nên không đồng ý phân chia di sản thừa kế đối với tài sản của bố mẹ để lại theo yêu cầu của ông T.

"Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" và "Di chúc" giữa bố mẹ các bà với ông T1, bà H được lập hợp pháp, thực hiện theo đúng hướng dẫn của UBND xã T, được UBND xã T chứng thực. Vì vậy, đề nghị Tòa án công nhận việc cấp GCNQSD đất số CH 00849179771/QĐ-UBND do UBND huyện T cấp ngày 09/7/2015 cho ông Lê Khắc T1 và bà Vũ Thị H là hợp pháp, đúng quy định pháp luật. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc T, chấp nhận di chúc và hợp đồng tặng cho bố mẹ đã lập cho ông T1, bà H vì đó là ý nguyện của bố mẹ trước khi chết.

3.4. Tại văn bản số 5002/UBND-TNMT ngày 12/12/2023 và Văn bản số 721/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 23/10/2023, UBND huyện T và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T cung cấp:

- Về hồ sơ địa chính:

Theo hồ sơ địa chính xã T (đo vẽ năm 1991): Thửa đất nằm tại vị trí tờ bản đồ số 05, thửa số 594, diện tích 890m^2; loại đất thổ cư; sổ mục kê ghi tên chủ sử dụng Lê Khắc S1.

Theo hồ sơ địa chính xã T (đo vẽ năm 2011): Thửa đất nằm tại vị trí tờ bản đồ số 14, thửa số 441, diện tích 456,6m^2; loại đất ở nông thôn; sổ mục kê ghi chủ sử dụng Lê Khắc S1.

- Về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Cụ Lê Khắc S1 được UBND huyện Đ cấp GCNQSD đất số D0286670 ngày 20/6/1994 với tổng diện tích 2.293m^2, trong đó có thửa đất ở số 594, tờ bản đồ số 05, diện tích 200m^2.

Năm 2015, cụ Lê Khắc S1 và Đỗ Thị N1 tặng cho ông Lê Khắc T1 quyền sử dụng thửa đất số 594, tờ bản đồ số 5, diện tích 200m^2, tương ứng với thửa đất số 441, tờ bản đồ số 14 (bản đồ địa chính xã T đo vẽ năm 2011). Được UBND huyện T cấp GCNQSD đất số CA 354325 tại vị trí thửa đất số 441, tờ bản đồ số 14, diện tích 200m^2, đất ở tại nông thôn, mang tên ông Lê Khắc T1 và bà Vũ Thị H.

4. Những người làm chứng gồm bà Nguyễn Thị N và bà Đỗ Thị X1 đều trình bày:

Bà Nguyễn Thị N và gia đình cụ Lê Khắc S1 và cụ Đỗ Thị N1 có mối quan hệ là người cùng thôn, đồng thời là anh em xa xưa với cụ Lê Khắc S1 (từ thời các cố xa xưa với nhau, bà không nắm rõ mối quan hệ mà chỉ nghe các cụ ngày xưa nói lại).

Bà Đỗ Thị X1 và gia đình cụ Lê Khắc S1 và Đỗ Thị N1 có mối quan hệ là người cùng thôn và là anh em xa với cụ Đỗ Thị N1 (là chị em 2 đời).

Giữa hai bà và gia đình cụ S1 cụ N1 không có mâu thuẫn gì với nhau; hai bà và gia đình không thuộc diện được hưởng thừa kế của cụ S1 cụ N1 theo quy định pháp luật, cũng không được cụ S1 cụ N1 chỉ định cho hưởng tài sản của hai cụ để lại sau khi hai cụ chết.

Vào buổi trưa ngày 07/6/2015, cụ Lê Khắc S1 đến gia đình bà mời các bà đến nhà cụ nhờ chút việc. Khi đến nhà cụ S1, cụ S1 và cụ N1 nói với hai bà là đất của hai cụ ở Xóm C thôn G, xã T hai cụ cho anh Lê Khắc T, còn đám đất này và tài sản trên đất (tại trại B) là cho anh Lê Khắc T1 nên nhờ các cháu đến làm chứng cho hai bác. Hai cụ nói các tài sản trên cho các con là tài sản thuộc quyền sử dụng của hai cụ theo quy định pháp luật. Sau đó, cụ S1 đưa ra di chúc đã lập cho hai bà xem, sau khi hai bà đọc nội dung di chúc thấy đúng như nguyện vọng hai cụ vừa trao đổi về việc phân chia đất đai, tài sản cho các con nên hai bà đồng ý làm chứng cho hai cụ. Trong giấy di chúc phần người lập di chúc hai cụ đã ký, các bà nhìn thấy phần ký của cụ N1 chỉ có chữ viết Đỗ Thị N1, không có chữ ký như cụ S1 nên có nói "lẽ ra bác phải ký chữ Nhuần trước rồi hãy viết Đỗ Thị N1" thì cụ N1 nói ký thế cũng được nên không ký thêm. Sau đó hai bà ký (bà N ký vào người làm chứng số 1, bà X1 ký vào người làm chứng số 2) rồi đưa lại bản di chúc cho hai cụ.

Khi tham gia làm chứng trong di chúc của cụ N1, cụ S1, hai bà hoàn toàn khỏe mạnh, minh mẫn, không có liên quan gì đến quyền và nghĩa vụ về tài sản của hai cụ, hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, mua chuộc hoặc làm chứng vì mục đích khác. Hai bà đều xin cam đoan trình bày trên là đúng sự thật, nếu sai xin chịu hoàn toàn trước pháp luật.

5. Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án:

5.1. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 18/3/2021 ông Lê Khắc T có đơn đề nghị Tòa án T5 - Bộ C2 giám định với các nội dung sau:

- Giám định chữ ký, chữ viết đứng tên "Nhuần", "Đỗ Thị N1" và chữ ký, chữ viết đứng tên "Sửu", "Lê Khắc S1" trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 09/6/2016 và Bản di chúc lập ngày 07/6/2015.

- Giám định tuổi mực đối với Bản di chúc lập ngày 07/6/2015.

- Giám định dấu vân tay tại Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 09/6/2015 có phải là dấu vân tay của ông Lê Khắc S1 và bà Đỗ Thị N1 hay không?

Tại Kết luận giám định số 264/KL-KTHS ngày 04/11/2022 của V - Bộ C2 kết luận:

"5.1. Chữ ký đứng tên Đỗ Thị N1 dưới mục "BÊN A" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 09/6/2015) so với chữ viết đứng tên Đỗ Thị N1 dưới mục "Người lập di chúc" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 (Di chúc lập ngày 07/6/2015) do cùng một người ký, viết ra.

5.2. Các chữ "Đỗ Thị N1" dưới mục "BÊN A" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 09/6/2015) so với chữ viết đứng tên Đỗ Thị N1 dưới mục "Người lập di chúc" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 (Di chúc lập ngày 07/6/2015) không phải do cùng một người viết ra.

5.3. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Lê Khắc S1 dưới mục "BÊN A" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 09/6/2015) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Khắc S1 dưới mục "Người lập di chúc" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 (Di chúc lập ngày 07/6/2015) có phải do cùng một người ký, viết ra không.

5.4 Các chữ "Lê Khắc S1" dưới mục "BÊN A" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 09/6/2015) so với chữ viết, chữ ký đứng tên Lê Khắc S1 dưới mục "Người lập di chúc" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 (Di chúc lập ngày 07/6/2015) không phải do cùng một người viết, ký ra.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24 Luật Giám định tư pháp năm 2012 và điểm d khoản 1 Điều 80 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, V từ chối thực hiện các yêu cầu:

- Xác định chữ ký, chữ viết đứng tên Đỗ Thị N1 dưới mục "BÊN A" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và chữ viết đứng tên Đỗ Thị N1 dưới mục "Người lập di chúc" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 có phải do bà Đỗ Thị N1 ký, viết ra không; chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Khắc S1 dưới mục "BÊN A" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Khắc S1 dưới mục "Người lập di chúc" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 có phải do ông Lê Khắc S1 ký, viết ra không do không có mẫu chữ ký, chữ viết mẫu so sánh của bà Đỗ Thị N1 và ông Lê Khắc S1.

- Xác định tuổi mực của mẫu cần giám định ký hiệu A2 (Di chúc lập ngày 07/6/2015) do hiện nay Viện Khoa học hình sự chưa giải quyết được các yêu cầu về tuổi mực của tài liệu".

Tại Kết luận giám định số 338/KL-KTHS ngày 07/12/2022 của V - Bộ C2 kết luận:

"1. Trên tài liệu ký hiệu A (Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 09/6/2015), dưới mục Bên A có 03 dấu vân tay ký hiệu từ trên xuống dưới, từ trái qua phải lần lượt là 01, 02 và 03. Trong đó dấu vân tay ký hiệu số 01 và 03 đủ yếu tố giám định, dấu vân tay ký hiệu 02 không đủ yếu tố giám định.

2. Dấu vân tay ký hiệu 01 in bên cạnh dòng chữ viết tay "Lê Khắc S1" với dấu vân tay in ở ở ngón trỏ phải trên tài liệu ký hiệu M1 (Giấy CMND mang tên Lê Khắc S1) là của cùng một người".

3. Dấu vân tay kí hiệu số 03 in bên phải dòng chữ viết tay "Đỗ Thị N1" với dấu vân tay in ở ngón trỏ phải trên tài liệu kí hiệu M2 (Giấy CMND mang tên Đỗ Thị N1) là của cùng một người".

Ngày 17/10/2023, ông Lê Khắc T tiếp tục làm đơn đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của ông Lê Văn T3 - Phó Chủ tịch UBND huyện T và con dấu của UBND huyện T trên GCNQSD đất do UBND huyện T cấp cho ông Lê Khắc T1 và bà Vũ Thị H ngày 09/7/2015.

Ngày 20/5/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban bành "Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ" số 56/2024/QĐ-CCTLCC yêu cầu ông Lê Khắc T cung cấp các tài liệu chứng cứ và tài liệu so sánh để thực hiện việc trưng cầu giám định, gồm:

1) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 354325, số vào sổ cấp GCN: CH 00849/7977/QĐ-UBND do UBND huyện T cấp ngày 09/7/2015 cho ông Lê Khắc T1 và bà Vũ Thị H (là tài liệu đề nghị giám định).

2) Cung cấp mẫu chữ ký của ông Nguyễn Văn T4 tại thời điểm năm 2015 để phục vụ cho việc giám định.

3) Cung cấp mẫu con dấu của UBND huyện T tại thời điểm năm 2015 để phục vụ cho việc giám định.

Ngày 27/5/2024 ông T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa hỗ trợ thu thập tài liệu chứng cứ vì không thu thập được các tài liệu trên để giao nộp cho Tòa án.

5.2. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản:

I. Về đất: Diện tích đo thực tế 1.330,9m^2, có tứ cận: Phía Bắc giáp hộ ông Nguyễn Đình B2, hộ ông Nguyễn Đình N2 và giáp đường giao thông; phía Tây giáp hộ ông Lê Khắc N3 và hộ ông Lê Thiện H4; phía Nam giáp đất nông nghiệp; phía Đông giáp đất nông nghiệp. Trị giá: 374.879.800 đồng.

II. Công trình, tài sản trên đất:

- 01 nhà cấp 4 mái ngói, diện tích 41,8m^2, xây dựng khoảng năm 1978-1980.
- 01 nhà bếp diện tích 18,4m^2.
- 01 chuồng chăn nuôi diện tích 24m^2 (công trình đã bị hư hỏng, không sử dụng được).
- 01 buồng mái tôn diện tích 13,2m^2.
- 01 nhà vệ sinh và công trình phụ diện tích 5,9m^2.
- 01 sân láng bê tông diện tích 41m^2.
- 01 chuồng gà mái tôn diện tích 19,4m^2.
- 01 giếng đào sâu khoảng 3-5m, đường kính khoảng 90cm.

- Tường rào 01 đoạn dài 8,29m, cao 1,5m; 01 đoạn dài 15,52m, cao 1,5m; 01 đoạn dài 3,85m, cao 1,5m; 01 đoạn dài 17,89m, cao 0,3m.

Cây cối gồm: 03 cây xoài, 02 cây vải, 05 cây cau, 04 cây nhãn, 03 cây vú sữa, 03 cây bưởi, 06 cây xà cừ, 02 cây dừa, 02 cây lá đắng, 05 cây mít to, 06 cây mít nhỏ, 01 cây ổi, 04 cây dổi và 1 số cây khác không có giá trị.

Trị giá: 37.107.319 đồng.

III. Phần đất theo "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 09/6/2015" của cụ Lê Khắc S1 và Đỗ Thị N1 cho ông Lê Khắc T1, bà Vũ Thị H.

Diện tích: 200m^2, có tứ cận: Phía Bắc giáp cây lâu năm 13,33m; phía Đông giáp cây lâu năm 15m; phía Nam giáp cây lâu năm 13.33m; phía Tây giáp cây lâu năm 15m. Trị giá: 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Tất cả các đương sự đều thống nhất nhà, tài sản trên đất là do cụ S1 cụ N1 để lại, chỉ riêng có gian buồng mái tôn, nhà vệ sinh và công trình phụ, khu chuồng gà do gia đình ông T1 xây dựng sau.

Về cây trồng trên đất: ông T1, bà X, bà L, bà L1, bà S, bà B cho rằng các cây to đều do bố mẹ là cụ S1 cụ N1 để lại, chỉ có hàng cây nhỏ là do ông T1 trồng. Còn ông T cho rằng 05 cây mít to là do ông T trồng, ngoài ra ông còn trồng các cây xà cừ đầu ngõ và cây xoài, ông T là người đào giếng.

Bà X có ý kiến khi bố mẹ bà lát nền trong nhà và ngoài hè thì bà có đóng góp tiền giá trị tương đương 01 chỉ vàng để làm.

6. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định:

Xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc T về việc:

- Hủy "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" lập ngày 09/6/2015 giữa bên tặng cho là cụ Lê Khắc S1 và Đỗ Thị N1 với bên được tặng cho là ông Lê Khắc T1 và bà Vũ Thị H, được UBND xã T, huyện T chứng thực hợp đồng số 09, quyển số 01/2015.CT-UBND ngày 09/6/2015.

- Hủy "Di chúc" do cụ Lê Khắc S1 và Đỗ Thị N1 lập ngày 07/6/2015.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00849/7977/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 của UBND huyện T cấp cho ông Lê Khắc T1 và bà Vũ Thị H.

- Công nhận phần đất phần trăm mà ông Lê Khắc T, ông Lê Khắc T1, bà Lê Thị X mỗi người 50m^2 trong tổng diện tích đất tại thửa đất số 594, nay tương ứng là thửa đất số 441 mà cụ Lê Khắc S1 và Đỗ Thị N1 đã dùng đất phần trăm của ông T, ông T1, bà X được giao trước đó để đổi cho gia đình ông Đỗ Huy D. Phần diện tích còn lại sau khi đã trừ đi phần diện tích đất của ông Lê Khắc T, Lê Khắc T1, Lê Thị X đề nghị Tòa án xem xét chia đều cho những người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Khắc S1 và Đỗ Thị N1.

- Chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 1.105,7m^2 đất ở tại nông thôn tại thửa đất số 594 bản đồ địa chính xã T năm 1990, nay tương ứng với thửa đát số 441, tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã T đo vẽ năm 2011 và ngôi nhà ngói cấp bốn 03 gian, nhà bếp và các công trình phụ trên đất và cây ăn quả theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

7. Kháng cáo: Ngày 29/8/2024, nguyên đơn là ông Lê Khắc T có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

8. Tại phiên tòa phúc thẩm:

8.1. Nguyên đơn ông Lê Khắc T giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo và trình bày ý kiến đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

8.2. Bị đơn là ông Lê Khắc T1 đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

8.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X phát biểu ý kiến: Ông T1 làm GCNQSD đất là anh em bà không biết; bố mẹ bà không cho đất ông T1. Đề nghị làm rõ ông T1 làm giả giấy tờ chiếm đoạt tài sản của bố mẹ bà.

8.4. Hội đồng xét xử đã giải thích các quy định của pháp luật có liên quan đến nội dung yêu cầu của các đương sự trong vụ án và tạo điều kiện để họ thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng các đương sự không thỏa thuận được và đều đề nghị đưa vụ án ra xét xử.

8.5. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo là Luật sư Chu Đ phát biểu ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá các tình tiết, các tài liệu, chứng cứ không đầy đủ, khách quan; nhất là việc xác định tính hợp pháp của bản "Di chúc" lập ngày 07/6/2015 và "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" lập ngày 09/6/2015. Cụ thể, bản "Di chúc" đã được lập ra không đúng quy định của pháp luật và chưa có cơ sở xác định đã thể hiện đúng ý chí của người lập di chúc bởi lẽ: có sự mâu thuẫn giữa nội dung di chúc với lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị N (di chúc được lập sẵn; bà N khai không hề đọc nội dung di chúc cho cụ S1, cụ N1 nghe); bà X1, bà N không hề chứng kiến việc ghi chép nội dung, không chứng kiến hai cụ ký mà chỉ nghĩ đã được gia đình thống nhất nên hai bà mới ký; chưa có cơ sở xác định chữ ký tại "Di chúc" là của hai cụ. Đối với "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" có dấu hiệu bị sửa chữa, có nội dung không hợp lý như chỉ cho tặng 200m^2 và không tặng cho phần diện tích đất còn lại và các tài sản trên đất; về thông tin quyền sử dụng đất tặng cho trong hợp đồng có sự mâu thuẫn với thông tin trên GCNQSD đất nên không có căn cứ chắc chắn hai cụ S1 - N1 là người ký và điểm chỉ vào Hợp đồng. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án ông T có trình bày khi cụ S1 - Nhuần còn sống, vào năm 1965 hai cụ có lấy diện tích 50m^2 đất phần trăm của ông T để cộng với phần diện tích đất phần trăm của người khác nên ông T yêu cầu Tòa án công nhận 50m^2 đất phần trăm của ông trong tổng diện tích đất của cụ S1 - Nhuần hiện nay. Hiện ông T đã

cung cấp được lời khai của ông Đỗ Huy C1 (em trai cụ N1) làm căn cứ chứng minh cho việc hai cụ S1 - Nhuần đã lấy 50m^2 đất phần trăm của ông Lê Khắc T để đổi lấy 300m^2 đất của cụ Đỗ Huy D. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của ông Lê Khắc T, tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại cho đúng pháp luật.

8.6. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt một số người tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, các quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và yêu cầu kháng cáo của các đương sự, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên: không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Khắc T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự; của người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xác định nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng thửa đất tranh chấp:

[1.1] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận: thửa đất số 594, tờ bản đồ số 05 (bản đồ địa chính xã T đo vẽ năm 1990) nay tương ứng với thửa đất 441, tờ bản đồ số 14 (bản đồ địa chính xã T đo vẽ năm 2011) có diện tích 1.105,7m^2 đất ở tại nông thôn; trên thửa đất có ngôi nhà ngói cấp bốn 03 gian, nhà bếp và các công trình phụ có nguồn gốc là của cụ Lê Khắc S1 và cụ Đỗ Thị N1 để lại, đã được UBND huyện Đ cấp GCNQSD đất năm 1994 đứng tên cụ Lê Khắc S1.

[1.2] Ngày 07/6/2015, cụ Lê Khắc S1 và Đỗ Thị N1 đã lập "Di chúc" với nội dung:

"Tôi là chủ sở hữu khối tài sản gồm: Căn nhà cấp 4 ba gian và 3 gian bếp, sân, giếng nước cùng các cây lưu niên nằm trong khuôn viên mảnh đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Đ cấp ngày 20/6/1994 số D 0286670, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số A1100310 QSDĐ. Theo bảng kê dưới đây về diện tích đất ở và đất vườn cây hoa màu giao trực tiếp lâu dài:

+ Số tờ bản đồ 05 số thửa 594 diện tích 200m^2 đất ở lâu dài

+ Số tờ bản đồ 02 số thửa 602 diện tích 500m^2 đất % đồng lâu dài

Nay tôi lập di chúc để định đoạt tài sản của chúng tôi nêu trên như sau:

Sau khi qua đời, anh Lê Khắc T1 - Con trai…sẽ được thừa hưởng toàn bộ di sản thừa kế thuộc sở hữu của chúng tôi như đã nêu trên do tôi để lại. Chúng tôi không để lại di sản thừa kế của chúng tôi trên cho bất cứ ai khác…".

Di chúc có chữ ký của cụ Lê Khắc S1, Đỗ Thị N1 và hai người làm chứng là bà Nguyễn Thị N và Đỗ Thị X1 (bút lục: 173-174).

[1.3] Ngày 09/6/2015, cụ Lê Khắc S1 và cụ Đỗ Thị N1 tiếp tục lập "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa có nội dung hai cụ tặng cho ông Lê Khắc T1 và bà Vũ Thị H 200m^2 đất ở, tại thửa số 594, tờ bản đồ số 05, địa chỉ Xóm A xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, theo GCNQSD đất do UBND huyện Đ cấp ngày 20/6/1994 số D 0286670, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số A1100310 QSDĐ cho cụ Lê Khắc S1, tương ứng với thửa đất số 441, tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã T đo vẽ năm 2011. Hợp đồng có đầy đủ chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của cụ S1, cụ N1 và ông T1, bà H; được UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa chứng thực hợp đồng số 09, quyển số 01/2015.CT-UBND ngày 09/6/2015 (bút lục: 111-112).

Sau đó, ông T1 kê khai đăng ký và đã được UBND huyện T cấp GCNQSD đất số CA 354325 ngày 09/7/2016 cho ông Lê Khắc T1 và bà Vũ Thị H được quyền sử dụng thửa đất số 441, tờ bản đồ số 14, diện tích 200m^2, đất ở tại nông thôn.

[2] Xét "Di chúc" lập ngày 07/6/2015 và "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" lập ngày 09/6/2015 thì thấy:

Về hình thức: Bản "Di chúc" lập ngày 07/6/2015 được viết tay trên mẫu phôi soạn thảo bằng máy vi tính theo mẫu; có 02 người làm chứng là bà Nguyễn Thị N và bà Đỗ Thị X1.

Về nội dung: Cụ Lê Khắc S1 và Đỗ Thị N1 định đoạt toàn bộ khối tài sản thuộc quyền sử dụng của hai cụ gồm quyền sử dụng thửa đất số 549, tờ bản đồ số 05 và thửa đất số 602 tờ bản đồ số 02 đã được UBND huyện Đ cấp GCNQSD đất số D 0286670 ngày 20/6/1994 và toàn bộ tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của hai cụ. Người được hưởng thừa kế theo di chúc là ông Lê Khắc T1 – con trai của hai cụ.

Quá trình tố tụng, bà N và bà X1 đều khẳng định: Hai bà là những người được cụ S1, cụ N1 nhờ đến làm chứng; hai bà đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; không phải là người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cụ S1, cụ N1; không phải là người có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan tới nội dung di chúc. Bà N, bà X1 khẳng định cụ S1, cụ N1 là người ký vào di chúc, hiểu rõ nội dung cụ S1, cụ N1 trao đổi nên mới ký vào phần người làm chứng. Khi làm chứng bà N và bà X1 hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vì mục đích khác.

Còn "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" lập ngày 09/6/2015 thì Hợp đồng này thể hiện được lập tại trụ sở UBND xã T ngày 09/6/2015 (chứng thực số 09, quyển số: 01/2015.CT-UBND) có đầy đủ chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của cụ S1, cụ N1 và ông T1, bà H.

Tại bản Kết luận giám định số 264/KL-KTHS ngày 04/11/2022 của V - Bộ C2 đã kết luận *"5.1. Chữ ký đứng tên Đỗ Thị N1 dưới mục "BÊN A" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 09/6/2015) so với chữ viết đứng tên Đỗ Thị N1 dưới mục "Người lập di chúc" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 (Di chúc lập ngày 07/6/2015) do cùng một người ký, viết ra; 5.3. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Lê Khắc S1 dưới mục "BÊN A" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 09/6/2015) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Khắc S1 dưới mục "Người lập di chúc" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 (Di chúc lập ngày 07/6/2015) có phải do cùng một người ký, viết ra không"*.

Tại bản Kết luận giám định số 338/KL-KTHS ngày 07/12/2022 của V - Bộ C2 kết luận:

"1. Trên tài liệu ký hiệu A (Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 09/6/2015), dưới mục Bên A có 03 dấu vân tay ký hiệu từ trên xuống dưới, từ trái qua phải lần lượt là 01, 02 và 03. Trong đó dấu vân tay ký hiệu số 01 và 03 đủ yêu tố giám định, dấu vân tay ký hiệu 02 không đủ yếu tố giám định.

2. Dấu vân tay ký hiệu 01 in bên cạnh dòng chữ viết tay "Lê Khắc S1" với dấu vân tay in ở ở ngón trỏ phải trên tài liệu ký hiệu M1 (Giấy CMND mang tên Lê Khắc S1) là của cùng một người".

3. Dấu vân tay kí hiệu số 03 in bên phải dòng chữ viết tay "Đỗ Thị N1" với dấu vân tay in ở ngón trỏ phải trên tài liệu kí hiệu M2 (Giấy CMND mang tên Đỗ Thị N1) là của cùng một người".

Như vậy, có đủ cơ sở xác định cụ Lê Khắc S1 và cụ Đỗ Thị N1 đã tự nguyện lập "Di chúc" ngày 07/6/2015 và lập "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" ngày 09/6/2015. Hình thức và nội dung của các văn bản này đều phù hợp với quy định của pháp luật. Trên cơ sở nội dung của "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" ngày 09/6/2015, ngày 09/7/2015 UBND huyện T đã cấp GCNQSD đất số CH 00849/7977/QĐ-UBND cho ông Lê Khắc T1 và bà Vũ Thị H là phù hợp quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều thừa nhận thửa đất ông T1, bà H đang quản lý, sử dụng đã được cấp GCNQSD đất 200m^2 và các thửa đất khác ông T1, bà H đang quản lý sử dụng nhưng chưa được cấp GCNQSD đất tại thửa đất số 594, tờ bản đồ số 05, tương ứng với thửa đất số 441, tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã T đo vẽ năm 2011 là các thửa đất liền nhau của cụ Lê Khắc S1 và Đỗ Thị N1 để lại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá việc ông T1, bà H chưa làm thủ tục đối với diện tích đất còn lại ngoài diện tích được cấp GCBNQSD đất là do phần đất còn lại ông T1, bà H được hưởng theo nội dung "Di chúc" ngày 07/6/2015 của cụ S1, cụ N1 chỉ phát sinh hiệu lực sau khi các cụ chết là có căn cứ. Đối với việc ông T cho rằng năm 2015, lợi dụng lúc cụ S1, cụ N1 già yếu, không còn minh mẫn, ông Lê Khắc T1 và bà Vũ Thị H đã lập các văn bản trên để chiếm đoạt tài sản là không có căn cứ nên không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng.

[3] Đối với yêu cầu xác định trong tổng diện tích đất của cụ Lê Khắc S1 và Đỗ Thị N1 để lại có 50m^2 đất % của ông Lê Khắc T, 50m^2 đất % của bà Lê Thị X, 50m^2 đất % của ông Lê Khắc T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo lời khai của ông T và bà X thì đất ở cồn B (diện tích đất đang tranh chấp hiện nay) trước đây là của ông bà ngoại cho bố mẹ ông bà (cụ Lê Khắc S1 và Đỗ Thị N1) diện tích 905,7m^2, xung quanh cồn là đất của anh trai cụ N1 là Đỗ Huy D. Sau đó, cụ S1 và cụ N1 đã thống nhất đổi cho cụ D 300m^2 đất nơi khác để lấy thêm đất liền kề sản xuất. Cụ thể, trong số 300m^2 đất đổi đó có 50m^2 đất % của bà nội Nguyễn Thị M, 100m^2 của cụ S1 và cụ N1, 50m^2 của ông Lê Khắc T, 50m^2 của ông Lê Khắc T1 và 50m^2 của bà Lê Thị X. Còn các bà Lê Thị L, Lê Thị L1, Lê Thị S, Lê Thị B không có đất phần trăm để đổi. Ông T, bà X đề nghị Tòa án xác định trong tổng diện tích đất của cụ Lê Khắc S1 và Đỗ Thị N1 để lại có 50m^2 đất % của ông Lê Khắc T, 50m^2 đất % của bà Lê Thị X, 50m^2 đất % của ông Lê Khắc T1. Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành "Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ" nhưng ông T và bà X không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh ông T, bà X, ông T1 có đất % để đổi cho cụ Đỗ Huy D (cụ D hiện nay đã chết).

Đối với "Đơn bổ sung chứng cứ" do ông T, bà X giao nộp có xác nhận của UBND xã T với nội dung: ông Lê Khắc T và bà Lê Thị X là con cụ Lê Khắc S1; đất % của hộ cụ S1, ông T, bà X được nhận thừa kế; ông T là cháu cụ M (đã chết), đất % của cụ S1, cụ N1 ông T được nhận thừa kế của cụ M - cũng không thể hiện việc ông T, bà X, ông T1 có đất % và không có cơ sở để xác định có việc đổi đất cho cụ Đỗ Huy D. Trong khi đó, GCNQSD đất do UBND huyện Đ cấp cho cụ Lê Khắc S1 năm 1994 không thể hiện cấp chung cho hộ gia đình, không xác định đất % thuộc hộ gia đình; đồng thời trong vụ án này, ông T và bà X cũng như những người tham gia tố tụng khác không yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ M để lại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông T, bà X về việc đề nghị xác định trong tổng diện tích đất của cụ Lê Khắc S1 và cụ Đỗ Thị N1 để lại có 50m^2 đất % của ông Lê Khắc T, 50m^2 đất % của bà Lê Thị X và 50m^2 đất % của ông Lê Khắc T1 là đúng pháp luật.

[4] Đối với ý kiến của ông T và bà X trình bày trước khi chết cụ S1 để lại 01 quyển sổ ghi nợ với nội dung cụ có cho một số con cháu vay, giữ tiền của cụ. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu ông T1, bà H cung cấp quyển sổ ghi nợ của cụ Lê Khắc S1 để lại nhưng ông T1 và bà H khẳng định không giữ quyển sổ này, cũng không lấy hoặc giữ tài sản nào khác như vàng, tiền… của cụ S1 và cụ N1; ông T và bà X cũng không có căn cứ chứng minh ông T1, bà H đang giữ quyển sổ ghi nợ và các tài sản khác của cụ N1, cụ S1. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T và bà X thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng.

[5] Tổng hợp những nội dung phân tích ở trên và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận:

Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc T là đúng pháp luật. Ông T kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để giải quyết xét xử lại. Tuy nhiên, ông T không giao nộp thêm được tài liệu, chứng cứ nào mới; đối với những lý do ông T và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T trình bày tại phiên tòa phúc thẩm đã được Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu tại phiên tòa đánh giá là không có căn cứ pháp luật là đúng. Vì vậy Hội đồng xét xử không có sơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Lê Khắc T.

[6] Về án phí: Ông Lê Khắc T có kháng cáo không được chấp nhận nhưng là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Khắc T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Ông Lê Khắc T được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/5/2025.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

Nguyễn Xuân Điền